THÔNG SỐ KỸ THUẬT / *SPECIFICATION*		FRR90HE4 4 x 2	FRR90LE4 4 x 2	FRR90NE4 4 x 2	FVR34LE4 4 x 2	FVR34QE4 4 x 2	FVR34SE4 4 x 2	FVR34UE4 4 x 2	FVM34TE4 6 x 2	FVM34WE4 6 x 2	FVZ34QE4 6 x 4
KHỐI LƯỢNG / MASS											
Khối lượng toàn bộ / *Gross vehicle mass*	kg	11000			16000				25000		
Khối lượng bản thân / *Kerb mass*	kg	3070	3170	3255	5185	5255	5375	5445	7030	7250	7300
Số chỗ ngồi / *Number of seats*	Người / *Person*	3									
Thùng nhiên liệu / *Fuel tank*	Lít / *Liter*	140	200								
KÍCH THƯỚC / *DIMENSIONS*											
Kích thước tổng thể / *Overall Dimension* (OAL x OW x OH)	mm	6100 x 2280 x 2545	7520 x 2280 x 2530	8420 x 2280 x 2530	7610 x 2485 x 2895	9460 x 2485 x 2880	10460 x 2485 x 2880	11870 x 2485 x 2880	9710 x 2485 x 2940	11510 x 2485 x 2940	8460 x 2485 x 2980
Chiều dài cơ sở / *Wheelbase* (WB)	mm	3410	4360	4990	4300	5560	6160	6600	4965 + 1370	5825 + 1370	4115 + 1370
Vệt bánh xe trước - sau / *Front - Rear treat* (AW / CW)	mm	1795 / 1660	1795 / 1660	1790 / 1660	2060 / 1850	2060 / 1850	2060 / 1850	2060 / 1850	2060 / 1850	2060 / 1850	2060 / 1850
Khoảng sáng gầm xe / *Ground clearance* (HH)	mm	210			280	265			280		
Chiều dài đầu - đuôi xe / *Front - Rear over hang* (FOH/ROH)	mm	1150 / 1540	1150 / 2010	1150 / 2280	1250 / 2060	1250 / 2650	1250 / 3050	1250 / 4020	1250 / 2810	1250 / 3750	1250 / 2410
ĐỘNG CƠ & TRUYỀN ĐỘNG / *ENGINE & TRANSMISSION*											
Tên động cơ / *Model*		4HK1E4CC			6HK1E4NC				6HK1E4SC		
Loại động cơ / *Type*		Phun nhiên liệu điện tử, tăng áp - làm mát khí nạp / *Common rail, turbo - intercooler*									
Tiêu chuẩn khí thải / Emission		Euro 4									
Dung tích xy lanh / *Displacement*	cc	5193			7790				7790		
Đường kính và hành trình piston / *Bore & stroke*	mm	115 x 125			115 x 125				115 x 125		
Công suất cực đại / *Max. power*	Ps(kW) / rpm	190 (140) / 2600			241 (177) / 2400				280 (206) / 2400		
Momen xoắn cực đại / *Max. torque*	N.m(kgf.m) / rpm	513 (52) / 1600~2600			706 (72) / 1450				882 (90) / 1450		
Hộp số / *Transmission*		MZZ6W 6 số tiến & 1 số lùi / 6 Forward & 1 Reverse			MZW6P 6 số tiến & 1 số lùi / 6 Forward & 1 Reverse				ES11109 9 số tiến & 1 số lùi / 9 Forward & 1 Reverse		
Bộ trích công suất / PTO		Tiêu chuẩn / Standard	-	-	Tiêu chuẩn / Standard	-	-	-	-	-	Tiêu chuẩn / Standard
TÍNH NĂNG ĐỘNG HỌC / *PERFORMANCE*											
Tốc độ tối đa / *Max speed*	km/h	100			94				88		76
Khả năng vượt dốc tối đa / *Gradeability*	%	35			30	31			24		
HỆ THỐNG CƠ BẢN / *BASIC SYSTEMS*											
Hệ thống lái / *Steering system*		Trục vít - ê cu bi trợ lực thủy lực / Recirculating ball with hydraulic assisted									
Hệ thống treo trước - sau / *Suspension system front - rear*		Phụ thuộc, nhíp lá và giảm chấn thủy lực / Dependent, leafspring, shock absorber									
Phanh trước - sau / *Brake system front - rear*		Tang trống, thủy lực mạch kép, điều khiển bằng khí nén Drum, air-over hydraulicdual circuit			Tang trống, khí nén hoàn toàn / Drum, full air dual circuit						
Kích thước lốp trước - sau / *Tire size front - rear*		8.25-16 18PR (Gai ngang)	8.25-16 18PR		11.00R20	10.00R20			11.00R20		11.00R20 (Gai hỗn hợp)
Máy phát điện / *Generator*		24V-50A			24V-60A						
Ắc quy / Battery		12V-65AH x 2									

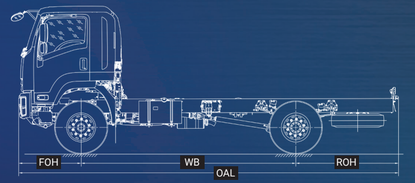

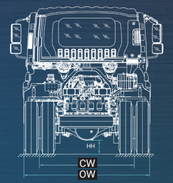

CÔNG TY TNHH Ô TÔ ISUZU VIỆT NAM 695 Quang Trung, P.8, Q.Gò Vấp, Tp. HCM (84-28)3 895 9203 /xetaiisuzuvietnam www.isuzu-vietnam.com

FORWARD F-SERIES

BLUEPOWER

ĐỈNH CAO CÔNG NGHỆ DIESEL SẠCH

ISUZU MASTER TRUCK

FORWARD F-SERIES MASTER TRUCKS

Bộ Turbo biến thiên tăng áp VGS
Variable Geometry System Turbo

Hệ thống Common Rail áp suất cao
High-pressure Common Rail injectors

ISUZU MASTER COMMON RAIL

BLUEPOWER

ĐỈNH CAO CÔNG NGHỆ DIESEL SẠCH

Sở hữu động cơ phun dầu điện tử Common Rail được nâng cấp bởi công nghệ mới nhất, ISUZU FORWARD F-SERIES BLUE POWER là dòng xe tải trung & nặng thế hệ mới đạt chuẩn EURO 4 với chất lượng đẳng cấp, độ bền vượt trội, tiết kiệm nhiên liệu và thân thiện với môi trường.

• TỐI ƯU CÔNG SUẤT • TIẾT KIỆM NHIÊN LIỆU • BỀN BỈ VƯỢT TRỘI • THÂN THIỆN MÔI TRƯỜNG

Owned COMMON RAIL System which is upgraded by newest technology, ISUZU FORWARD F-SERIES BLUE POWER is world-class heavy duty and medium duty truck that are remarkably quality, outstanding durability, fuel economy and friendly with environment.

• MAXIMUM POWER • FUEL EFFICIENCY • BEST DURABILITY • ENVIRONMENTAL FRIENDLY

Nội thất với trang thiết bị tiện nghi
Comfortable convenient interior facilities

Trang bị ghế hơi cho tài xế (FVM/FVZ)
Air Suspension Driver seat (FVM/FVZ)

Khung gầm không ri-vê hiện đại
Revetless Type Chassis

Thanh giằng mới kiểu chữ V (FVM/FVZ)
V-type Torque Rod Suspension (FVM/FVZ)

Trục xoay cầu sau được nâng cấp (FVM/FVZ)
Trunnion shaft (FVM/FVZ)

Phanh khí nén hoàn toàn (Model FV)
Full Air Brake with Air Dryer (Model FV)

TRANG THIẾT BỊ / *EQUIPMENTS*

- 2 tấm che nắng cho tài xế & phụ xế / *2 sunvisors driver & co-driver*
- Kính chỉnh điện & Khóa cửa trung tâm / *Power window & Central door lock*
- Tay nắm cửa an toàn bên trong / *Inside guard bar*
- Núm mồi thuốc / *Cigar lighter*
- Máy điều hoà / *Air Conditioner*
- Dây an toàn 3 điểm / *3-point seat belts*
- Kèn báo lùi / *Reversing warning buzzer*
- Hệ thống làm mát và sưởi / *Cooler and defroster*
- Phanh khí xả / *Exhaust brake*
- Đèn sương mù / *Fog lamps*
- Khoang nằm nghỉ / *Relax place* (Model FV)
- Bộ trích công suất - PTO (Model FRRH/FVRL/FVZ)

**Hình ảnh & thông số kỹ thuật có thể khác so với thực tế và có thể thay đổi mà không báo trước / Those specifications & equipment would be able to change without notice and may vary from actual ones.*

i-TRUCKS

ISUZU "CUSTOMER CARE"

ISUZU BẢO HÀNH 3năm/100.000km

BROF-28022020